

PHỤ LỤC 03

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Đơn giá (đồng)
I	Thời điểm định giá ngày 24/05/2019		
1	Cây Sao Đen, cao $\geq 4.5\text{m}$, Đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
2	Cây Dầu Rái, cao $\geq 5\text{m}$, Đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
3	Cây Kè Bạc, cây cao $\geq 2.0\text{m}$, đường kính gốc $\geq 20\text{cm}$	cây	
4	Cây Mai Vạn Phúc, đường kính tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
5	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ, đường kính tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
6	Cây Dừa Nam Mỹ	cây	
7	Cây Sanh 5 tầng, H $\geq 1.8\text{m}$, đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
8	Cây Sanh trực, H $\geq 1.8\text{m}$, đk gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
9	Cây Si Lục Bình, cao $\geq 2\text{m}$, đk tán $\geq 80\text{cm}$	cây	
10	Cây Si Lục Bình, cao $\geq 1.8\text{m}$, đk tán $\geq 50\text{cm}$	cây	
11	Cây Si Lục Bình, cao $\geq 1.5\text{m}$, đk tán $\geq 30\text{cm}$	cây	
12	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
13	Cây Chiều Tím (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
14	Cây Đông Hàu kem (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
15	Cây Huỳnh Anh (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
16	Cây Bạch Trinh (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
17	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
18	Cây Huỳnh Anh Hoa Tím (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
19	Cỏ Lá gừng thái	m ²	
20	Cây Vạn Niên Tùng trồng chậu, cây cao $\geq 3.0\text{m}$, đường kính tán $\geq 100\text{cm}$	cây	
21	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
22	Cây Sanh 5 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
23	Cây Kèn Hồng, cao $\geq 4.0\text{m}$, Đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
24	Cây Mai Vạn Phúc, đk tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
25	Cây Chuối Ngọc (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
26	Cây Vạn Tuế, cao 0.7-1.2m, đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
27	Cây Sanh 9 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc $\geq 17\text{cm}$	cây	
28	Cây Sao Đen, cao $\geq 4.0\text{m}$, Đk gốc 8-10cm	cây	
29	Cây Hồng Lộc, cao $\geq 1\text{m}$, đường kính tán $\geq 40\text{cm}$	cây	
30	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
31	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	chậu	
32	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	

33	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
II	Thời điểm định giá ngày 30/03/2020		
34	Cây Trang Đỏ (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
35	Cây Đông Hầu kem (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
36	Cây Tường Vi (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
37	Cây Huỳnh Anh hoa tím (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
38	Cây Bạch Trinh (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
39	Cây Huỳnh Anh (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
40	Cây Chiều Tím (mật độ 2500 giò/100m ²)	giò	
41	Cỏ Lá gừng thái	m ²	
42	Cây Sanh Giáng Long trồng chậu, cây cao $\geq 1.6\text{m}$, đường kính gốc $\geq 20\text{cm}$	cây	
43	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
44	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
45	Cây Sanh 9 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{-}12\text{cm}$	cây	
46	Cây Sanh 5 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
47	Cây Giáng Hương, cao $\geq 4.0\text{m}$, Đk gốc $\geq 12\text{cm}$	cây	
48	Cây Bông Giấy Trục, cao $\geq 1.6\text{m}$, Đk gốc $\geq 8\text{cm}$	cây	
49	Cây Mai Vạn Phúc, đk tán $\geq 60\text{cm}$	cây	
50	Cây Vạn Tuế, cao $\geq 1\text{m}$, đk gốc $\geq 15\text{cm}$	cây	
51	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
52	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.5m	chậu	
53	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
54	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
III	Thời điểm định giá ngày 31/07/2020		
55	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
56	Cây Đông Hầu kem trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
57	Cây Huỳnh Anh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
58	Cây Bạch Trinh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
59	Cây Huỳnh Anh hoa tím trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
60	Cây Chuối Ngọc trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
61	Cây Trang Đỏ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
62	Cây Hoa Phi Yến trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
63	Cây Diễm Châu trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
64	Cây Ấc Ó trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
65	Phân vi sinh	kg	
IV	Thời điểm định giá ngày 18/01/2021		
66	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	

67	Cây Đông Hầu kem trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
68	Cây Huỳnh Anh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
69	Cây Bạch Trinh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
70	Cây Huỳnh Anh hoa tím trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
71	Cây Chiều tím trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
72	Cây Chuối Ngọc trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
73	Cây Trang Đỏ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
74	Cây Hoa Phi Yến trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
75	Cây Diễm Châu trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
76	Cây Ấc Ó trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
77	Phân vi sinh	kg	
V	Thời điểm định giá ngày 16/09/2021		
78	Cây Lộc Vừng, cao $\geq 4.0\text{m}$, Đk cổ rễ $> 15\text{cm}$	cây	
79	Cây Si Lục Bình, cao $\geq 1.8\text{m}$, trồng vào chậu hiện hữu	cây	
80	Cây Bông Giấy mỹ col, đk tán $\geq 80\text{cm}$	cây	
81	Cỏ Hoàng Lạc	m ²	
82	Cây Ấc Ó trồng thâm (mật độ 4000 giò/100m ²)	giò	
83	Cây Dừa vạt phát trồng thâm (mật độ 1600 giò/100m ²)	giò	
84	Cây Sanh Giáng Long trồng chậu, cây cao $\geq 1.5\text{m}$, đường kính gốc $\geq 20\text{cm}$	cây	
85	Cây Sanh 9 tầng trồng chậu, cây cao $\geq 3\text{m}$, đường kính gốc $\geq 12\text{cm}$	cây	
86	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$	cây	
87	Cây Sanh Trục trồng chậu, cây cao $\geq 1.8\text{m}$, đường kính gốc $\geq 10\text{cm}$	cây	
88	Cây Mai Vạn Phúc, cao $\geq 1\text{m}$, đk tán $\geq 12\text{cm}$	cây	
89	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	chậu	
90	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
91	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VI	Thời điểm định giá ngày 16/07/2021		
92	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
93	Cây Đông Hầu kem trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
94	Cây Huỳnh Anh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
95	Cây Bạch Trinh trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
96	Cây Huỳnh Anh hoa tím trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
97	Cây Chiều tím trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
98	Cây Chuối Ngọc trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
99	Cây Trang Đỏ trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
100	Cây Hoa Phi Yến trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
101	Cây Diễm Châu trồng dặm (mật độ 480 giò/100m ²)	giò	
102	Phân vi sinh	kg	

VII	Thời điểm định giá 15/04/2022		
103	Cây Lộc Vừng, cao $\geq 3.5\text{m}$, Đk cổ rễ $>10\text{cm}$	cây	
104	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, cây cao $\geq 1.5\text{m}$	cây	
105	Cây Kè Bạc, cây cao $\geq 2.0\text{m}$	cây	
106	Cây Vạn Tuế, cao $\geq 0.7\text{m}$	cây	
107	Cây Búp Thái (mật độ 2000 giò/100m ²)	giò	
108	Cây Mai Vạn Phúc (mật độ 900 cây/100m ²)	cây	
109	Cây Kim Đồng trồng thâm (mật độ 2000 cây/100m ²)	cây	
110	Cỏ Lá gừng	m ²	
111	Cỏ Nhung	m ²	
112	Cỏ Hoàng Lạc	m ²	
113	Cây Móng Bò, cao $\geq 2\text{m}$, Đk 8cm	cây	
114	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
115	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VIII	Thời điểm định giá ngày 17/05/2022		
116	Cây Kèn Hồng, cao $\geq 4\text{m}$, Đk $>12\text{cm}$	cây	
117	Cây Bông Giấy mỹ col, đk tán $\geq 80\text{cm}$	cây	
118	Cỏ Hoàng Lạc	m ²	
119	Cây Ấc Ó trồng viền (mật độ 4000 giò/100m ²)	giò	
120	Cây Si Lục Bình, trồng chậu, cao $\geq 1.8\text{m}$	cây	
121	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, trồng chậu, cao $\geq 1.5\text{m}$	cây	
122	Cây Sanh Giáng Long, trồng chậu, cao $\geq 1.6\text{m}$; đk $>20\text{cm}$	cây	
123	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
124	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
125	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
IX	Thời điểm định giá ngày 15/04/2022		
126	Cây Sanh lục bình, cao $\geq 1.8\text{m}$	cây	
127	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, cây cao $\geq 1.5\text{m}$	cây	
128	Cây Bông Giấy mỹ col, đk tán $\geq 80\text{cm}$	cây	
129	Cây Hồng Lộc col, đk tán $\geq 80\text{cm}$	cây	
130	Cỏ Lá gừng	m ²	
131	Cây Ấc Ó trồng viền (mật độ 4000 giò/100m ²)	giò	
132	Cây Búp Thái (mật độ 2000 giò/100m ²)	giò	
133	Cây Sanh Giáng Long, trồng chậu, cao $\geq 1.6\text{m}$; đk $>20\text{cm}$	cây	
134	Chậu lục giác mạ đồng, đường kính 1.15m	chậu	
135	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
136	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
X	Thời điểm định giá ngày 26/01/2022		
137	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
138	Cây Đông Hầu kem trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	

139	Cây Huỳnh Anh trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
140	Cây Bạch Trinh trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
141	Cây Huỳnh Anh hoa tím trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
142	Cây Chiều tím trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
143	Cây Chuối Ngọc trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
144	Cây Trang Đỏ trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
145	Phân vi sinh	kg	
XI	Thời điểm định giá ngày 01/11/2022		
146	Cây Tuyết Sơn Phi Hồ trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
147	Cây Đông Hài kem trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
148	Cây Huỳnh Anh trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
149	Cây Bạch Trinh trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
150	Cây Huỳnh Anh hoa tím trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
151	Cây Chiều tím trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
152	Cây Chuối Ngọc trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
153	Cây Trang Đỏ trồng dặm (mật độ 480 cây/100m ²)	cây	
154	Phân vi sinh	kg	

TỔNG CỘNG: 154 mục./.